

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm trang thiết bị cho Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng năm 2025, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng.
- Thông tin liên hệ của bộ phận tiếp nhận báo giá: Khoa Dược - Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng, số 91 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Số điện thoại: 0236.3757567 giờ hành chính trừ thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng, số 91 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: **từ ngày ra thông báo đến 16h 30 phút ngày 27 tháng 6 năm 2025**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục trang thiết bị:

Stt	Danh mục	Yêu cầu về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Mô tả cụ thể tại Bảng mô tả đính kèm	Cái	1
2	Kính hiển vi 2 mắt		Cái	1
3	Bộ Micropipet		Bộ	1

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản trang thiết bị: Mô tả cụ thể tại Bảng mô tả đính kèm theo.

- Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 90 ngày.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Theo quy định hiện hành.

Rất mong nhận được sự hợp tác của các Đơn vị. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNTT để đăng website;
- Lưu: VT, KD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Công Đức

Phụ lục 1**BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT TRANG THIẾT BỊ MỜI CHÀO GIÁ**

(Đính kèm Thư mời chào giá số 405 /BVDL-KD ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện Đa liễu Đà Nẵng)

Stt	Tên trang thiết bị	Yêu cầu cơ bản về thông số kỹ thuật và các thông tin khác (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
		1. Đặc tính, thông số kỹ thuật a. Tính năng - Kiểu máy: hoàn toàn tự động. - Công suất xét nghiệm: ≥ 270 xét nghiệm sinh hóa/giờ - Kiểu đo: Điểm cuối, Động học. - Phương pháp phát hiện: Đo trực tiếp độ hấp thụ trong công phản ứng một màu hoặc hai màu - Phương pháp đo: + Xét nghiệm sinh hoá sử dụng phương pháp đo quang + Miễn dịch bằng phương pháp đo quang (Hóa chất Latex) - Số lượng xét nghiệm đồng thời đo được: ≥ 50 xét nghiệm - Hệ thống hoá chất mở: Có (dùng được hoá chất của hãng khác) b. Quản lý mẫu bệnh phẩm - Khay bệnh phẩm: + Có thể tháo rời + Số vị trí đặt mẫu bệnh phẩm (Có sẵn STAT): ≥ 40 vị trí. + Số vị trí đặt calibrator, QC: ≥ 10 vị trí - Số lượng kim hút bệnh phẩm: ≥ 1 (Không dùng chung với kim hút hoá chất) - Kim hút mẫu bệnh phẩm có cảm biến mức chất lỏng, phát hiện cục máu đông, phát hiện va chạm - Máy có chức năng cảnh báo khi xét nghiệm được chọn chế độ hút mẫu ít hơn hay nhiều hơn. - Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, nước tiểu - Thê tích mẫu bệnh phẩm: + Thê tích hút mẫu tối thiểu: $\leq 1.5 \mu\text{l}$ (bước chỉnh mức $0.1 \mu\text{l}$) + Thê tích hút mẫu tối đa: $\leq 35 \mu\text{l}$ (bước chỉnh mức $0.1 \mu\text{l}$) c. Quản lý hóa chất - Khay đựng hóa chất: + Có thể tháo rời.		
1	Máy xét nghiệm sinh hoá tự động	+ Miễn dịch bằng phương pháp đo quang (Hóa chất Latex) - Số lượng xét nghiệm đồng thời đo được: ≥ 50 xét nghiệm - Hệ thống hoá chất mở: Có (dùng được hoá chất của hãng khác) b. Quản lý mẫu bệnh phẩm - Khay bệnh phẩm: + Có thể tháo rời + Số vị trí đặt mẫu bệnh phẩm (Có sẵn STAT): ≥ 40 vị trí. + Số vị trí đặt calibrator, QC: ≥ 10 vị trí - Số lượng kim hút bệnh phẩm: ≥ 1 (Không dùng chung với kim hút hoá chất) - Kim hút mẫu bệnh phẩm có cảm biến mức chất lỏng, phát hiện cục máu đông, phát hiện va chạm - Máy có chức năng cảnh báo khi xét nghiệm được chọn chế độ hút mẫu ít hơn hay nhiều hơn. - Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, nước tiểu - Thê tích mẫu bệnh phẩm: + Thê tích hút mẫu tối thiểu: $\leq 1.5 \mu\text{l}$ (bước chỉnh mức $0.1 \mu\text{l}$) + Thê tích hút mẫu tối đa: $\leq 35 \mu\text{l}$ (bước chỉnh mức $0.1 \mu\text{l}$) c. Quản lý hóa chất - Khay đựng hóa chất: + Có thể tháo rời.	Hệ thống	1

Stt	Tên trang thiết bị	Yêu cầu cơ bản về thông số kỹ thuật và các thông tin khác (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
		+ Số vị trí đặt hóa chất: ≥ 50 vị trí (≥ 25 vị trí cho lọ hóa chất 70ml, ≥ 25 vị trí cho lọ hóa chất 20ml) + Làm mát hóa chất: 8 - 15°C - Khả năng tính toán thể tích hóa chất còn lại: Có - Số lượng kim hút hoá chất: ≥ 1 (Không dùng chung với kim hút bệnh phẩm) - Kim hút hóa chất có cảm biến mức chất lỏng và phát hiện va chạm - Thể tích hóa chất: + R1: 20 μl đến 250 μl (bước chỉnh 1 μl) + R2: 20 μl đến 180 μl (bước chỉnh 1 μl) d. Quản lý buồng phản ứng - Cuvettes: + Số cuvette: ≥ 72 + Loại: Thủy tinh + Thể tích phản ứng tối thiểu: ≤ 100 μl + Thể tích phản ứng tối đa: ≤ 350 μl + Thời gian ủ: ≤ 10 phút (R1: ≤ 5 phút, R2: ≤ 5 phút đối với xét nghiệm 2 hoá chất) + Nhiệt độ phản ứng: $\leq 37^\circ\text{C}$ - Hệ thống khuấy: + Số lượng: ≥ 2 kim khuấy (1 kim cho hoá chất, 1 kim cho bệnh phẩm) + Loại khuấy xoay với 5 tốc độ - Hệ thống rửa tự động: có ≥ 4 kim rửa, giảm thiểu nhiễm chéo và lây nhiễm, tiêu thụ nước ≤ 5 lít/giờ - Hệ thống phản ứng: gia nhiệt trực tiếp hoặc tương đương e. Hệ thống quang học - Số bước sóng: 12 bước sóng: 340, 380, 415, 450, 510, 546, 570, 600, 660, 700, 750 và 800 nm. - Nguồn sáng: Bóng Halogen vonfram - Lựa chọn bước sóng: Phương pháp cách tử 2. Cung cấp - Máy chính: 01 máy (Thiết bị mới, sản xuất năm 2025 trở về sau) - Máy vi tính điều khiển: CPU $\geq$I3, Ram $\geq$8gb, ổ cứng SSD $\geq$256gb, màn hình LED $\geq$25 inch - Máy in khổ giấy A4 - Bộ lưu điện online $\geq$ 2KVA		

Stt	Tên trang thiết bị	Yêu cầu cơ bản về thông số kỹ thuật và các thông tin khác (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
		- Bộ lọc nước RO công suất: ≥ 10 lít/giờ - Bộ hoá chất chạy thử máy (hoá chất chuẩn, hoá chất chạy xét nghiệm, dung dịch rửa) - Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh, tiếng Việt): 01 bộ 3. Xuất xứ: G7 4. Yêu cầu khác: - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50Hz - Môi trường hoạt động: nhiệt độ tối đa ≥ 30 độ C; độ ẩm tối đa $\geq 80\%$ - Nhà sản xuất đạt chứng chỉ ISO 13485 hoặc tương đương - Nhà cung cấp chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao, hướng dẫn vận hành và cấp giấy xác nhận đã đào tạo vận hành cho người sử dụng. - Thiết bị được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ khi nghiệm thu. - Thiết bị được bảo dưỡng miễn phí trong vòng 03 năm (không gồm vật tư tiêu hao và thay thế) - Nhà cung cấp phải cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 05 năm. - Nhà cung cấp chịu trách nhiệm kết nối máy xét nghiệm với phần mềm LIS có sẵn tại đơn vị để đảm bảo máy nhận chỉ định và đổ kết quả về phần mềm LIS.		
2	Kính hiển vi 2 mắt	1. Đặc tính, thông số kỹ thuật - Hệ thống quang học Vô cực - Đầu quan sát hai thị kính. Có vòng chỉnh độ diop phù hợp với từng người quan sát. - Thị kính chống mốc 10X, quang trường rộng 20mm, góc nhìn 30 độ, mỗi thị kính có điều chỉnh độ Diop - Mâm gắn vật kính: Có 4 vị trí lắp vật kính. - Vật kính phẳng 4X/ độ mở ≥ 0.10, khoảng cách làm việc ≥ 27.8 mm - Vật kính phẳng 10X/ độ mở ≥ 0.25, khoảng cách làm việc ≥ 8.0 mm - Vật kính phẳng 40X/ độ mở ≥ 0.65, khoảng cách làm việc ≥ 0.6 mm - Vật kính phẳng 100XOil/ độ mở ≥ 1.25, khoảng cách làm việc ≥ 0.13 mm - Bàn để mẫu có bộ phận giữ mẫu và dịch chuyển mẫu theo hai chiều X-Y - Núm chỉnh di chuyển loại đồng trục bố trí bên phải. Hành trình di chuyển mẫu: X x Y 76 x 30mm - Hộp tụ quang có độ mở ≥ 1.25, có ≥ 6 mức độ điều chỉnh màn chắn sáng từ 1.8 – 29 mm, có núm dịch chuyển hộp tụ quang lên xuống. - Nguồn sáng đèn LED, công suất 0.5 W, tuổi thọ dài ≥ 20.000 giờ	Cái	1

Stt	Tên trang thiết bị	Yêu cầu cơ bản về thông số kỹ thuật và các thông tin khác (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
		- Điều chỉnh tiêu cự: Điều chỉnh tiêu cự tinh/ thô, giới hạn điều chỉnh tiêu cự tinh là $2.5\mu\text{m}$/vòng quay, giới hạn điều chỉnh thô 0.3 mm/vòng quay. - Có khóa tiêu cự: Bảo vệ vật kính và mẫu tránh các tác động bên ngoài gây hỏng. - Thiết kế công năng phía sau thân kính được thiết kế hộc chứa dây cáp điện khi không dùng. 2. Cung cấp - Thân kính hiển vi: 01 cái - Thị kính 10x, đường kính vi trường 20 mm: 02 cái - Vật kính phẳng 4X: 01 cái - Vật kính phẳng 10X: 01 cái - Vật kính phẳng 40X: 01 cái - Vật kính phẳng 100XOil: 01 cái - Lọ dầu soi 8cc: 01 cái - Dây điện nguồn: 01 cái - Túi phủ: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh, Tiếng Việt: 01 bộ 3. Yêu cầu khác - Thiết bị mới 100%, được sản xuất từ năm 2024 trở về sau. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015 - Bảo hành 12 tháng. - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ít nhất 5 năm sau bán hàng.		
3	Bộ Micropipet	- Có thể hấp tiệt trùng ở ≥ 120 độ C trong ≥ 20 phút - Nút điều chỉnh thể tích có thể thao tác bằng một tay - Nút điều chỉnh thể tích có 2 chế độ: chế độ thay đổi thể tích nhỏ nhất và chế độ thay đổi 3.5 lần thể tích nhỏ nhất. - Có nút khóa giúp ngăn sai lệch thể tích trong quá trình thao tác - Thang đo được thiết kế hiển thị 3 chữ số giúp dễ quan sát và cài đặt 1/1000 thể tích tối đa. - Bộ micropipet gồm: + 02 Micropipette 10uL-100uL + 02 Micropipette 20uL-200uL + 02 Micropipette 100uL-1000uL + 01 giá đỡ 6 vị trí gắn Micropipette	Bộ	1

Stt	Tên trang thiết bị	Yêu cầu cơ bản về thông số kỹ thuật và các thông tin khác (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
		- Xuất xứ: G7		

Ghi chú: Đặc tính kỹ thuật quy định trong danh mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế các Đơn vị cung cấp. Các Đơn vị có thể chào giá hàng hóa có đặc tính kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn.

Phụ lục 2
MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm Thư mời chào giá số 405 /BVDL-KD ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng, chúng tôi, Công ty*[Ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh; mã số thuế doanh nghiệp]* báo giá cho các trang thiết bị như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VNĐ)	Thuế phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VNĐ)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VNĐ)
1										
2										
n										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của trang thiết bị)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm *[Ghi cụ thể ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*

3. Chúng tôi cam kết :

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các trang thiết bị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

, ngày tháng năm 2024

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
 - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại trang thiết bị theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục trang thiết bị” trong Yêu cầu báo giá.
 - (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của trang thiết bị tương ứng với chủng loại trang thiết bị ghi tại cột “Danh mục trang thiết bị”.
 - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng trang thiết bị.
 - (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của trang thiết bị.
 - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
 - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng trang thiết bị.
 - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng trang thiết bị hoặc toàn bộ trang thiết bị; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
 - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng trang thiết bị hoặc toàn bộ trang thiết bị. Đối với các trang thiết bị nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của trang thiết bị.
 - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng trang thiết bị. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng trang thiết bị (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá. Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài. Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
 - (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
- Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.